TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH PHƯỚC** TỈNH NINH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2024/DS-ST.
Ngày: **19**/**4**/**2024**.
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH PHƯỚC, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Cốc.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Hường.
2. Ông Lê Quang Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Nguyễn Minh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 179/2023/TLST-DS, ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2024/QĐST-DS, ngày 28 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông PRART J – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Du, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn S – Chức vụ: Nhân viên Công ty TNHH SRISA WAD Việt Nam (Có mặt).

(Văn bản ủy quyền số: 01 - 04, ngày 01/01/2023).

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn Th, sinh năm: 1992 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn S trình bày:

Công ty N *(Gọi tắt là: Công ty)* vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể công ty và ông Trần Văn Th đã ký kết "Hợp đồng cầm cố", ngày 24/12/2022; Tài sản cầm cố là xe mô tô loại YAMAHA EXCITER, biển số 85D1-537.52; Số tiền

cầm cố là 15.400.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng); Lãi suất là 1,1%/tháng; Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; Phí quản lý hồ sơ cố định: 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền.

Sau khi cầm cố thì ông Th đã mượn lại xe tại "Giấy mượn xe" ngày 24/12/2022 để làm phương tiện đi lại, thời hạn mượn xe là 30 ngày kể từ ngày mượn; Tuy nhiên hết thời hạn mượn xe mà ông Th vẫn không trả lại xe cho công ty.

Tại đơn khởi kiện ngày 27/9/2023 công ty đã yêu cầu 02 vấn đề, cụ thể:

1. Yêu cầu ông Trần Văn Th phải giao trả lại xe đã mượn là xe mô tô YAMAHA EXCITER, biển số 85D1-537.52.

2. Nếu ông Trần Văn Th không thể trả lại xe thì yêu cầu ông Th phải thanh toán cả gốc và lãi là 25.641.000đ.

Đến phiên hòa giải ngày 16/02/2024 công ty xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó công ty yêu cầu ông Trần Văn Th phải trả tổng số tiền cầm cố xe thời điểm ngày hòa giải (ngày 16/2/2024) là: 29.774.000đ, trong đó: Tiền cầm cố xe máy là: 15.400.000đ, tiền lãi trong hạn là: 1.133.124đ, lãi quá hạn là: 1.827.393đ, phí quản lý hồ sơ trong hạn là 0,5%/tháng là 515.506đ, phí mượn xe là 6.468.000đ, phí vi phạm hợp đồng 4.430.043đ.

Tại phiên tòa, công ty vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, theo đó công ty yêu cầu ông Trần Văn Th phải trả tổng số tiền còn nợ là 25.132.825đ, trong đó: Tiền cầm cố xe náy là: 15.400.000đ, tiền lãi trong hạn là: 1.133.124đ, lãi quá hạn là: 2.361.003đ, phí quản lý hồ sơ trong hạn là 0,5%/tháng là 515.506đ, phí vi phạm hợp đồng 5.723.643đ;

Đối với phí mượn xe là 7.392.000đ thì công ty không yêu cầu nữa.

Bị đơn ông Trần Văn Th đã được Tòa án niên yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty N; Cụ thể đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Trần Văn Th phải trả cho Công ty N tổng số tiền còn nợ đến ngày xét xử là ngày 19/4/2024 là 18.894.127đ, trong đó: Tiền cầm cố xe náy là: 15.400.000đ, tiền lãi trong hạn là: 1.133.124đ, lãi quá hạn là: 2.361.003đ.

Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện về phí mượn xe.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại đơn khởi kiện, Công ty N khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn Th phải trả lại xe máy đã mượn theo hợp đồng cầm cố mà hai bên đã ký kết; Nếu ông Th không thể trả lại xe thì yêu cầu ông Th trả số tiền còn nợ theo hợp đồng cầm cố tài sản; Đến phiên hòa giải ngày 16/02/2024 nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện theo đó nguyên đơn yêu cầu ông Trần Văn Th phải trả tổng số tiền cầm cố xe trong đó có các khoản phí và lãi. Hội đồng xét xử xác định việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Văn Th có địa chỉ cư trú tại Khu phố 1, thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về việc cầm cố tài sản: Ngày 24/12/2022 Công ty N và ông Trần Văn Th đã ký kết "Hợp đồng cầm cố" đối với tài sản là chiếc mô tô loại YAMAHA EXCITER, biển số 85D1-537.52 với số tiền 15.400.000đ, hợp đồng có chữ ký của ông Thành; Như vậy xác định được giữa Công ty N và ông Trần Văn Th đã giao kết việc cầm cố tài sản là chiếc mô tô loại YAMAHA EXCITER, biển số 85D1-537.52. Việc cầm cố tài sản thực hiện đúng quy định pháp luật, quá trình giải quyết vụ án ông Th không có ý kiến nên hợp đồng được công nhận và bảo vệ.

[2.2] Về việc mượn xe: Sau khi lập hợp đồng cầm cố tài sản, ông Th đã mượn lại xe tại "Giấy mượn xe" ngày 24/12/2022 để làm phương tiện đi lại, thời hạn mượn xe là 30 ngày kể từ ngày mượn; Hội đồng xét xử thấy rằng đây là hợp đồng phụ phát sinh sau khi ký kết hợp đồng cầm cố tài sản. Việc mượn xe thực hiện đúng quy định pháp luật, quá trình giải quyết vụ án ông Th không có ý kiến nên hợp đồng được công nhận và bảo vệ.

[2.3] Về lãi và phí của hợp đồng:

[2.3.1] Tại hợp đồng cầm cố đã ghi nhận: Lãi suất là 1,1%/tháng; Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; Phí quản lý hồ sơ cố định: 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Tại "Giấy mượn xe" ngày 24/12/2022 có ghi nhận: "Phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn" là 462.000đ/tháng; "Trả phí thu hồi, xử lý tài sản cầm cố xe máy" là 1.000.000đ. Ngoài ra, nguyên đơn còn yêu cầu ông Trần Văn Th thanh toán khoản phạt vi phạm hợp đồng 04% tương đương 5.723.643đ.

Xét thấy:

[2.3.2] Quy định pháp luật hiện hành về cầm cố tài sản là không có lãi suất và phí.

[2.3.3] Hợp đồng cầm cố và hợp đồng mượn xe giữa Công ty N và ông Trần Văn Th có ghi nhận thêm về lãi suất và các loại phí ngoài ra còn phạt vi phạm hợp đồng, các khoản thu này được tính theo mức %/tháng/dư nợ thực tế; Riêng "Trả phí thu hồi, xử lý tài sản cầm cố xe máy" ghi nhận tại hợp đồng phụ là tiền thanh

toán một lần. Trong hợp đồng cầm cố, Công ty N đã dùng nhiều thuật ngữ khác nhau để tính lãi, phí và phạt hợp đồng nhằm thu lợi từ việc cầm cố xe máy;

Về bản chất: Việc ông Trần Văn Th cầm cố xe máy để nhận tiền, sau đó lại viết giấy mượn lại xe để dùng làm phương tiện đi lại, thực tế hai bên lập hợp đồng cầm cố và lập giấy mượn xe là để che đậy mục đích thật sự là vay tiền vì vậy Hội đồng xét xử quyết định áp dụng vào Điều 468 Bộ luật dân sự để làm căn cứ giải quyết trong vụ án này.

Xét: Lãi suất của hợp đồng là 1,1%/tháng + Phí quản lý hồ sơ là 0,5%/tháng = 1,6%/tháng, lãi suất này đã sát mức tối đa quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Xét: Phạt vi phạm hợp đồng 04% tương đương 5.723.643đ, "Phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn" là 462.000đ/tháng, "Trả phí thu hồi, xử lý tài sản cầm cố xe máy"; Những khoản thu này đã vượt mức quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên bị vô hiệu và Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.4] Về việc trả nợ: Hợp đồng cầm cố được ký kết ngày 24/12/2022 đến ngày xét xử là ngày 19/4/2022, Hội đồng xét xử làm tròn thành 16 tháng; Nguyên đơn cho rằng ông Trần Văn Th chưa trả đồng nào, quá trình giải quyết vụ án ông Th không có ý kiến vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Văn Th phải có nghĩa vụ trả cho Công ty N tổng số tiền là: 19.342.400đ, trong đó: Tiền cầm cố xe máy là: 15.400.000đ; Tiền lãi 1,6%/tháng x 16 tháng là: 3.942.400đ.

[2.5] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Trần Văn Th phải thanh toán khoản các khoản lãi và phí với tổng số tiền là 5.790.425đ là số tiền vượt mức cho phép theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2.6] Về việc rút yêu cầu: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút yêu cầu tính phí mượn xe là 7.392.000đ; Hội đồng xét xử thấy rằng việc thay đổi này hoàn toàn nằm trong phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận mà không cần phải đình chỉ một phần vụ án.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần được chấp nhận của nguyên đơn; Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 309 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty N.

Buộc ông Trần Văn Th phải thanh toán cho Công ty N tổng số tiền 19.342.400đ (Mười chín triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm đồng), trong

đó: Tiền cầm cố xe máy là: 15.400.000đ; Tiền lãi 1,6%/tháng của 16 tháng là: 3.942.400đ.

Kể từ ngày 20/4/2024 cho đến khi thi hành xong, ông Trần Văn Th còn phải trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty N về việc buộc ông Trần Văn Th phải trả số tiền 5.790.425đ.

3. Về án phí: Ông Trần Văn Th phải chịu *967.000đ (Chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng – đã làm tròn)* án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm; Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí Công ty N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000879, ngày 09/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Hoàn lại cho Công ty N 341.000đ tiền chênh lệch.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện nguyên đơn quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKS ND huyện Ninh Phước;
- Chi cục THADS huyện Ninh Phước;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Đăng Cốc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thường **Phạm Hữu Luận** **Nguyễn Đăng Cốc**